TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân
2. Bà Bùi Thị Hồng Thơm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Thái Kim X – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Trường Lợi B, xã Trường Long B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T – Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Trường Lợi B, xã Trường Long B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Thái Kim X trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay, bà X yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 06 con chung tên là Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1989, Nguyễn Cẩm N sinh năm 1991, Nguyễn Cẩm H sinh năm 1993, Nguyễn Lưng T sinh năm 1996, Nguyễn Cẩm T sinh năm 1999, Nguyễn Lưng K sinh năm 2002. Hiện nay con bà đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà Thái Kim X có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình: Ông thống nhất với phần trình bày của bà X về thời gian kết hôn và không có đăng ký kết hôn như bà X trình bày là đúng. Nay, ông đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông thống nhất với phần trình bày của bà X. Hiện nay các con của ông đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản các đương sự tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân không công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ông Thôn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà X và ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T tuy được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân này. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà X làm đơn xin ly hôn với ông T. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà X và ông T có 06 con chung tên là Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1989, Nguyễn Cẩm N sinh năm 1991, Nguyễn Cẩm H sinh năm 1993, Nguyễn Lưng T sinh năm 1996, Nguyễn Cẩm T sinh năm 1999, Nguyễn Lưng K sinh năm 2002. Hiện nay con bà X và ông T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà X và ông T tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Thái Kim X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Kim X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Kim X và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con của bà X và ông T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà X và ông T tự thỏa thuận không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Thái Kim X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Thái Kim X đã nộp theo biên lai số 0011943 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà X đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.